TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:07/2017/DSTC-ST
Ngày 06-9-2017
V/v: Tranh chấp HĐ vay tài sản (Tiền).

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ GIANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Bình
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Tuyết
2. Bà Cam Thị Tuân

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy - Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Hà Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang *tham gia phiên toà*: Không tham gia.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2017/TLST- DSTC ngày 08 tháng 8 năm 2017, về việc T/C Hợp đồng vay tài sản (tiền), theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2017/QĐST- DSTC ngày18 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Vũ Thị L
Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.
- Đại diện theo ủy quyền: Chị Vũ Thị L 2
Địa chỉ: SN 170, đường L, tổ 01, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang.
2. *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị H
Địa chỉ: SN 170, đường N, tổ 05, phường Q, thành phố Hà (Hiện nay đang cư trú tại nhà bà Phạm Thị H; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/8/2017; bản tự khai ngày 08/8/2017, của nguyên đơn bà Vũ Thị L và qúa trình giải quyết người đại diện theo ủy quyền bà L2 khai: Do có sự quen biết giữa chị H với chị Vũ Thị L2 (em gái) của bà L nên ngày 04/10/2016, chị H có hỏi bà L để vay tiền và bà L đã đồng ý cho chị H vay số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), thỏa thuận lãi suất 1,5%/1 tháng, tiền gốc và lãi sẽ trả cho chị L2 cầm giúp. Khi chị H vay tiền có viết giấy vay tiền, trong nội dung

giấy vay không ghi thời hạn trả nợ nhưng khi vay tiền bà L và chị L2 có nói là tiền để bà L làm nhà nên không cho vay lâu mà chỉ cho vay 1 tháng. Sau đó chị H không thực hiện việc trả nợ cho bà L, đến ngày 13/02/2017, tại buổi làm việc ở Công an thành phố H, chị H có cam kết sẽ trả nợ cho bà L theo thời hạn vào các ngày 30/3/2017; 30/6/2017/30/9/2017; 30/12/2017 mỗi lần trả 25.000.000đ và thời hạn tiếp theo trả tương tự, nhưng đến nay chị H vẫn chưa trả tiền cho bà L như đã cam kết. Do chị H vi phạm cam kết trả nợ, nay bà L yêu cầu chị H trả cho bà số tiền gốc 300.000.000đ và tiền lãi của 10 tháng x 0,75%/1 tháng = 22.500.000đ từ ngày 04/10/2016 đến ngày 16/8/2017. Tổng cộng bà L yêu cầu chị H phải thanh toán cả gốc và lãi là 322.500.000đ.

- Tại bản tự khai ngày 10/8/2017 và quá trình giải quyết bị đơn chị H trình bày: Chị H xác nhận việc chị có vay tiền của bà L số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) theo giấy vay nợ ngày 04/10/2016, loại vay có lãi là đúng. Khi vay chị có viết giấy vay nợ nhưng không ghi thời hạn trả nợ. Tại buổi làm việc tại Công an thành phố H ngày 13/02/2017, chị đã có cam kết về thời hạn trả nợ cho bà L nhưng do điều kiện hiện nay chị gặp khó khăn về kinh tế nên chưa thực hiện được việc trả nợ. Nay bà L yêu cầu chị trả số nợ gốc 300.000.000đ và lãi suất của 10 tháng theo mức 0,75%/1 tháng x 10 tháng = 22.500.000đ. Tổng số tiền gốc và lãi là 322.500.000đ tính đến ngày 16/8/2017, chị hoàn toàn nhất trí trả nợ cho bà L theo yêu cầu, nhưng do điều kiện kinh tế của chị đang gặp khó khăn nên không thể trả cho bà L một lần toàn bộ số tiền trên, chị H xin được trả số nợ trên làm nhiều lần.

Tại phiên hòa giải ngày 16/8/2017 chị L2 và chị H cũng giữ nguyên quan điểm: Các đương sự thống nhất được số tiền nợ gốc và lãi, nhưng không thỏa thuận được phương thức trả nợ.

Tại phiên toà hôm nay: Chị L và chị H giữ nguyên quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Vũ Thị L; địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền) đối với chị Nguyễn Thị H, địa chỉ: SN 170, tổ 5, phường Q, TP. H, tỉnh Hà Giang, theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

[2]. Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án:

Theo bà L, chị H, chị L2 trình bày ngày 04/10/2016 bà L có cho chị H vay số tiền 300.000.000đ với lãi suất thỏa thuận 1,5%/1 tháng, trong giấy vay tiền không thể hiện về nội dung thời hạn trả nợ. Qúa trình làm việc tại tại Công an TP H ngày 13/02/2017, chị H đã có cam kết trả nợ cho chị L theo thời hạn vào các ngày 30/3/2017; 30/6/2017/30/9/2017; 30/12/2017 mỗi lần trả 25.000.000đ và thời gian tiếp theo tính như tương tự, nhưng chị H không thực hiện được việc trả nợ theo cam kết. Như vậy, đủ căn cứ xác định quan hệ tranh chấp là Tranh chấp hợp đồng vay tài

sản, được quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015 và điều 463, 470 - BLDS năm 2015.

[3]. Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa chị L2 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc chị H phải trả toàn bộ số tiền vay nợ gốc 300.000.000đ và số tiền lãi theo mức 0.75%/1 tháng tính từ thời gian vay cho đến ngày xét xử là 22.500.000đ, tổng số tiền gốc và lãi là 322.500.000đ. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã xuất trình giấy vay tiền ngày 04/10/2016, bản cam kết trả nợ; biên bản làm việc ngày 13/02/2017 tại Công an thành phố H, chị H đã cam kết trả nợ cho bà L vào các ngày 30/3/2017 trả 25.000.000đ; 30/6/2017 trả 25.000.000đ; 30/9/2017 trả 25.000.000đ; ngày 30/12/2017 trả 25.000.000đ; còn các năm sau sẽ trả tương tự nhưng chị H không thực hiện việc trả nợ như cam kết. Theo giấy vay tiền ngày 04/10/2016 giữa bà L và chị H có xác nhận lãi suất nhưng không ghi thời hạn trả nợ nên được xác định là loại vay không kỳ hạn và có lãi. Sau đó đến buổi làm việc ngày 13/2/107 tại Cơ quan Công an thành phố H chị H lại cam kết trả nợ cho bà L theo các thời hạn cụ thể vào ngày cuối cùng của các quý trong năm. Do vậy, khoản tiền vay của chị H được coi là chuyển từ loại không có kỳ hạn sang loại vay có kỳ hạn, theo quy định tại Điều 466 Bộ Luật Dân sự: "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...". Như vậy, việc chị H không trả nợ theo đúng thời hạn là vi phạm cam kết về việc trả nợ. Do đó, về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, chị H đều xác nhận nội dung như nguyên đơn đã khai là hoàn toàn chính xác, nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên chị không thể thực hiện việc trả nợ cho bà L theo đúng như cam kết. Nay chị H nhất trí trả cho bà L số tiền nợ gốc + lãi theo yêu cầu của nguyên đơn tính đến ngày xét xử là 322.500.000đ là phù hợp.

Về lãi suất của số tiền vay: Nguyên đơn, bị đơn đều nhất trí với mức lãi suất áp dụng là 0,75%/1 tháng và nhất trí về gian tính lãi của khoản tiền vay từ ngày 04/10/2016 đến ngày xét xử là 22.500.000đ. Xét thấy việc thỏa thuận về thời gian tính lãi và mức lãi áp dụng của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Do vậy, cần buộc chị H phải trả cho bà L số tiền gốc và lãi là 322.500.000đ (Ba trăm hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà L được chấp nhận nên cần buộc chị H phải chịu án phí dân sự có giá ngạch và trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà L là đúng với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 351, 357; Điều 463, 466, 470 Bộ Luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết quy định về

mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm b phần 1.3, mục1 mục II Danh mục án phí lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị L.

- Buộc chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả cho bà Vũ Thị L số tiền gốc và lãi là 322.500.000đ (Ba trăm hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về Án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 16.125.000đ.

Trả lại cho bà Vũ Thị L số tiền 8.062.500đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Giang biên lai số 00497 ngày 07 tháng 8 năm 2017.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho bà L, chị H biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
-VKSND TP. H;
- Các đương sự;
- C.C THADS TP. H;
- Lưu HS;
- Lưu bộ phận.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Thị Thanh Bình